TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

B¶n ¸n sè: 08/2019/HNG§-ST
Ngµy 17-4-2019
V/v:"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Lâm Giang
2. Ông Đào Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Thân Thị A, sinh năm 1992 (có mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đồng Cạn, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

Hiện trú tại: Thôn Phú Hòa, xã Hoàng Thanh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

** Bị đơn: Anh Đặng Văn D, sinh năm 1988 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đồng Cạn, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn ngày 28/9/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, các biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Thân Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn D kết hôn ngày 29/11/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên. Trước khi kết hôn, chị và anh D có tìm hiểu khoảng 04 tháng và quyết định kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi tổ chức cưới, chị về làm dâu gia đình anh D ngay, vợ chồng chị

ở chung với bố mẹ chồng. Vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn đỉnh điểm, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống gia đình và làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xảy ra cãi vã nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thay đổi được gì. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay hai vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh D.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Đặng Tiến Phong, sinh ngày 24/9/2013 và Đặng Minh Khang, sinh ngày 08/5/2015, hiện cả 02 con đều đang ở với anh D. Ly hôn chị đồng ý để anh D tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung và chị cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D là 2.000.000 đồng/02 con/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay chị A có mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh D. Về con chung chị nhất trí để anh D tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và chị cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D 2.000.000 đồng/tháng/2con. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung không có, chị không yêu cầu giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn là anh Đặng Văn D trình bày:

Anh và chị Thân Thị A kết hôn ngày 29/11/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên. Trước khi kết hôn, anh và chị A có tìm hiểu nhau một thời gian và quyết định kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi tổ chức cưới, chị A về làm dâu gia đình anh ngay, vợ chồng ở chung với bố mẹ anh. Vợ chồng anh chung sống bình thường không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có vài lần vợ chồng cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, anh có tát vợ vài cái do cư xử thiếu tôn trọng. Chị A đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Anh có khuyên chị A về đoàn tụ nhưng chị A không đồng ý. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và anh muốn các con anh có gia đình đủ cả bố mẹ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Đặng Tiến Phong, sinh ngày 24/9/2013 và Đặng Minh Khang, sinh ngày 08/5/2015, hiện cả 02 con đều đang ở cùng anh. Ly hôn thì anh nhận nuôi cả hai con chung và đồng ý để chị A cấp dưỡng nuôi con chung cho anh là 2.000.000 đồng/tháng/02con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đặng Văn D vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị A chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn anh D chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thân Thị A được ly hôn với anh Đặng Văn D.

Về con chung: Giao cho anh Đặng Văn D tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Đặng Tiến Phong, sinh ngày 24/9/2013 và Đặng Minh Khang, sinh ngày 08/5/2015. Chị Thân Thị A cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D là 2.000.000 đồng/01tháng/02 con, kể từ tháng 04 năm 2019 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; ruộng canh tác; công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị A và anh D xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị A và anh D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về tố tụng: Anh Đặng Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

* Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Thân Thị A, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị A và anh D xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ngọc Vân, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy chị A và anh D sau khi về chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì năm 2016 phát sinh mâu thuẫn đỉnh điểm. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống giữa chị A và anh D xảy ra bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có

xảy ra xô xát và chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị A và anh D đã ly thân nhau từ tháng 09 năm 2018, không còn quan tâm gì đến nhau. Anh D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp tích cực nào để hàn gắn, mặt khác gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thay đổi được gì và Tòa án tiến hành thông báo hòa giải nhưng anh D cũng không đến để Tòa án hòa giải. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của chị A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay chị A vẫn nhất trí để anh D nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử thấy anh D có nguyện vọng tiếp tục nuôi 02 con chung, chị A nhất trí để anh D nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D, do vậy cần chấp nhận giao cho anh Đặng Văn D tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Đặng Tiến Phong, sinh ngày 24/9/2013 và Đặng Minh Khang, sinh ngày 08/5/2015. Chị Thân Thị A cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D là 2.000.000 đồng/01 tháng/02 con, kể từ tháng 04 năm 2019 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị A và anh D xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thân Thị A được ly hôn với anh Đặng Văn D.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Đặng Văn D tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Đặng Tiến Phong, sinh ngày 24/9/2013 và Đặng Minh Khang, sinh ngày

08/5/2015. Chị Thân Thị A cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D là 2.000.000 đồng/01tháng/02con, kể từ tháng 04 năm 2019 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Thân Thị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị A thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3].Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị A và anh D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Án phí: Chị Thân Thị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2017/0002253 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Chị Thân Thị A còn phải nộp 300.000 đồng số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cường chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Ngọc Vân;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân